



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	18.409.751
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	13.100.682
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.308.140
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	815.040
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	400.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	22.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)	71.100
2	Chi thường xuyên (3)	11.524.150
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.614.583
b	Chi khoa học và công nghệ	19.916
3	Chi trả lãi vay	6.600
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	260.592
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	5.309.069
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.403.670
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	799.225
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	3.106.174

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	13.064.586
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	9.457.027
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.596.030
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	573.030
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000
2	Chi thường xuyên (3)	7.667.684
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.520.331
b	Chi khoa học và công nghệ	17.991
3	Chi trả lãi vay	2.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	189.213
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	3.607.559
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.950.320
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	323.498
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	1.333.741

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đã giảm chi tương ứng số bội thu NSĐP để tạo nguồn trả nợ gốc theo quy định của Luật NSNN.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	13.344.711
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	9.382.669
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.011.481
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)</i>	<i>797.981</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>200.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>13.500</i>
2	Chi thường xuyên (3)	8.176.935
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>3.521.951</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>18.934</i>
3	Chi trả lãi vay	4.600
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.300
5	Dự phòng ngân sách	188.353
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	3.962.042
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.295.550
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	174.118
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	2.492.374

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đã giảm chi tương ứng số bội thu NSĐP để tạo nguồn trả nợ gốc theo quy định của Luật NSNN.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	13.940.807
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	11.271.277
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.411.132
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>787.332</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>600.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>14.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>9.800</i>
2	Chi thường xuyên (3)	9.631.115
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>4.655.193</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>16.246</i>
3	Chi trả lãi vay	2.400
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.400
5	Dự phòng ngân sách	225.230
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.669.530
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.084.960
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	115.969
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	1.468.601

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	16.967.916
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	13.855.111
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.313.873
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	718.373
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.520.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	35.500
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)	40.000
2	Chi thường xuyên (3)	10.242.836
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.725.928
b	Chi khoa học và công nghệ	23.980
3	Chi trả lãi vay	21.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.100
5	Dự phòng ngân sách	276.302
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	3.112.805
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	921.280
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	381.071
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	1.810.454

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	12.976.528
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	10.405.647
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.772.784
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>564.084</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>1.050.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>43.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>115.700</i>
2	Chi thường xuyên (3)	8.413.664
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>3.612.022</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>21.732</i>
3	Chi trả lãi vay	12.200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	205.799
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.570.881
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.149.349
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	261.128
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	1.160.404

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	16.546.110
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	13.542.070
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.954.601
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)</i>	839.601
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	3.100.000
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	15.000
2	Chi thường xuyên (3)	9.223.561
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	3.979.341
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	30.289
3	Chi trả lãi vay	55.300
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	307.608
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	3.004.040
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.272.400
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	1.019.742
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	711.898

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đã giảm chi tương ứng số bội thu NSDP để tạo nguồn trả nợ gốc theo quy định của Luật NSNN.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	7.378.458
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	5.307.896
1	Chi đầu tư phát triển (1)	753.172
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	430.372
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	300.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	20.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)	2.800
2	Chi thường xuyên (3)	4.444.522
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.905.590
b	Chi khoa học và công nghệ	13.819
3	Chi trả lãi vay	3.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	106.102
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.070.562
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	782.140
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	140.672
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	1.147.750

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	15.373.241
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	13.422.635
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.004.899
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)</i>	<i>577.899</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>1.400.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>27.000</i>
2	Chi thường xuyên (3)	11.145.083
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>4.894.642</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>28.573</i>
3	Chi trả lãi vay	2.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	268.753
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.950.606
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	699.990
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	297.434
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	953.182

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đã giảm chi tương ứng số bội thu NSĐP để tạo nguồn trả nợ gốc theo quy định của Luật NSNN.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

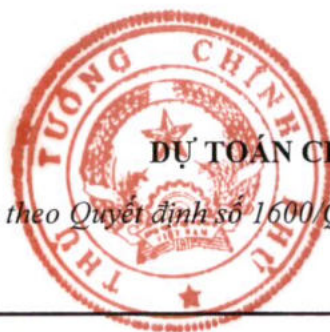
(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	21.819.368
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	20.146.967
1	Chi đầu tư phát triển (1)	7.320.784
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)</i>	<i>692.784</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>6.600.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>28.000</i>
2	Chi thường xuyên (3)	12.416.454
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>5.355.043</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>34.113</i>
3	Chi trả lãi vay	4.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	403.629
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.672.401
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	387.120
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	271.688
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	1.013.593

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đã giảm chi tương ứng số bội thu NSDP để tạo nguồn trả nợ gốc theo quy định của Luật NSNN.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

ĐỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	14.406.823
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	11.749.481
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.502.910
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>626.510</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>823.200</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>36.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>17.200</i>
2	Chi thường xuyên (3)	10.005.120
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>4.957.333</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>20.244</i>
3	Chi trả lãi vay	4.600
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.300
5	Dự phòng ngân sách	235.551
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.657.342
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.277.300
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	129.652
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	1.250.390

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

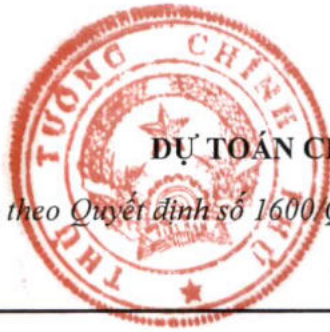
(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	17.627.574
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	14.335.881
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.955.731
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>964.131</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>850.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>50.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>91.600</i>
2	Chi thường xuyên (3)	12.091.464
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>6.259.993</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>23.662</i>
3	Chi trả lãi vay	2.600
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	284.886
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	3.291.693
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	727.590
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	545.997
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	2.018.106

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

ĐỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	10.578.805
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	7.469.190
1	Chi đầu tư phát triển (1)	881.992
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	651.192
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	200.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	22.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)	8.800
2	Chi thường xuyên (3)	6.436.490
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.939.387
b	Chi khoa học và công nghệ	11.705
3	Chi trả lãi vay	500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	149.208
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	3.109.615
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.270.750
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	116.483
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	1.722.382

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	13.890.278
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	9.990.966
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.313.872
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>716.472</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>500.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>32.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>65.400</i>
2	Chi thường xuyên (3)	8.469.883
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>4.218.750</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>15.333</i>
3	Chi trả lãi vay	7.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	198.511
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	3.899.312
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.426.320
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	366.348
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	2.106.644

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	146.411.904
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	136.653.700
1	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	5.329.801
2	Chi đầu tư phát triển (1)	71.581.950
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>27.475.650</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>36.100.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>330.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>7.676.300</i>
3	Chi thường xuyên (3)	56.930.441
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>17.595.373</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>643.492</i>
4	Chi trả lãi vay	221.500
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	10.460
6	Dự phòng ngân sách	2.579.548
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	9.758.204
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	9.451.230
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	306.974

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Chi phân bổ cho từng công trình, dự án sau khi đã thực hiện được khoản vay từ nguồn vốn vay trong nước. Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	32.790.424
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	31.953.120
1	Chi đầu tư phát triển (1)	16.263.758
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>3.809.058</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>12.000.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>40.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>414.700</i>
2	Chi thường xuyên (3)	14.888.594
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>5.155.152</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>131.175</i>
3	Chi trả lãi vay	168.300
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.700
5	Dự phòng ngân sách	630.768
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	837.304
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	755.440
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	81.864

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Chi phân bổ cho từng công trình, dự án sau khi đã thực hiện được khoản vay từ nguồn vốn vay trong nước. Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	31.641.066
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	30.204.724
1	Chi đầu tư phát triển (1)	13.847.491
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)</i>	<i>5.799.491</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>8.000.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>48.000</i>
2	Chi thường xuyên (3)	15.737.982
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>5.166.483</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>49.043</i>
3	Chi trả lãi vay	8.200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.600
5	Dự phòng ngân sách	609.451
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.436.342
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	430.720
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	1.005.622

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đã giảm chi tương ứng số bội thu NSDP để tạo nguồn trả nợ gốc theo quy định của Luật NSNN.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

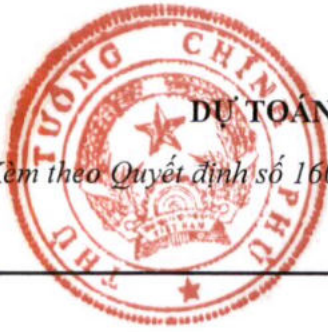
(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	18.233.141
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	16.576.799
1	Chi đầu tư phát triển (1)	5.701.815
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>785.015</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>4.620.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>40.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>256.800</i>
2	Chi thường xuyên (3)	10.491.354
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>4.541.746</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>42.916</i>
3	Chi trả lãi vay	56.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.230
5	Dự phòng ngân sách	326.400
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.656.342
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	629.880
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	1.026.462

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	30.103.748
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	28.641.700
1	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	399.523
2	Chi đầu tư phát triển (1)	18.594.171
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	971.171
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	17.600.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000
3	Chi thường xuyên (3)	8.917.166
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.109.674
b	Chi khoa học và công nghệ	28.673
4	Chi trả lãi vay	3.700
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
6	Dự phòng ngân sách	726.140
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.462.048
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.326.890
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	135.158

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đã giảm chi tương ứng số bội thu NSDP để tạo nguồn trả nợ gốc theo quy định của Luật NSNN.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	19.651.683
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	17.677.362
1	Chi đầu tư phát triển (1)	7.333.265
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	4.091.365
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	22.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)	1.219.900
2	Chi thường xuyên (3)	9.830.907
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.360.271
b	Chi khoa học và công nghệ	47.421
3	Chi trả lãi vay	159.600
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.510
5	Dự phòng ngân sách	352.080
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.974.321
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	443.360
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	1.530.961

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	20.953.343
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	19.342.606
1	Chi đầu tư phát triển (1)	7.058.489
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>2.441.089</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>3.600.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>25.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>992.400</i>
2	Chi thường xuyên (3)	11.912.213
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>3.917.820</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>62.494</i>
3	Chi trả lãi vay	3.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	367.004
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.610.737
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.500.380
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	110.357

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Chi phân bổ cho từng công trình, dự án sau khi đã thực hiện được khoản vay từ nguồn vốn vay trong nước. Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	15.392.446
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	14.300.737
1	Chi đầu tư phát triển (1)	6.384.112
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	539.112
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.800.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	45.000
2	Chi thường xuyên (3)	7.611.150
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.556.903
b	Chi khoa học và công nghệ	33.572
3	Chi trả lãi vay	18.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	286.475
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.091.709
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	875.600
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	216.109

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đã giảm chi tương ứng số bội thu NSDP để tạo nguồn trả nợ gốc theo quy định của Luật NSNN.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

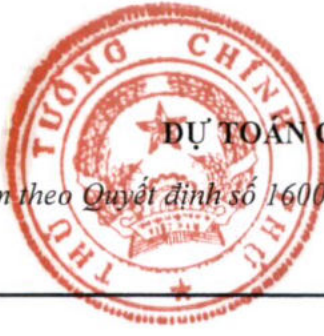
(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	16.274.868
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	15.655.392
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.279.974
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)</i>	736.974
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	3.500.000
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	43.000
2	Chi thường xuyên (3)	11.059.108
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	4.503.075
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	30.393
3	Chi trả lãi vay	1.300
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.510
5	Dự phòng ngân sách	313.500
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	619.476
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	212.120
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	176.641
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	230.715

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đã giảm chi tương ứng số bội thu NSĐP để tạo nguồn trả nợ gốc theo quy định của Luật NSNN.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

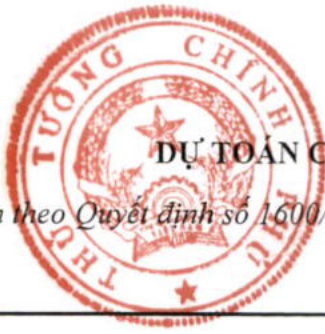
(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	17.292.539
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	13.397.827
1	Chi đầu tư phát triển (1)	5.848.523
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>2.935.123</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>2.850.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>55.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>8.400</i>
2	Chi thường xuyên (3)	7.242.482
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>3.996.312</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>48.315</i>
3	Chi trả lãi vay	1.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	303.922
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	3.894.712
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	611.380
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	3.283.332

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	17.852.788
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	14.539.479
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.570.671
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>750.371</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>3.720.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>90.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>10.300</i>
2	Chi thường xuyên (3)	9.672.674
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>4.886.141</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>34.521</i>
3	Chi trả lãi vay	4.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.450
5	Dự phòng ngân sách	290.584
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	3.313.309
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	857.140
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	2.179.768
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	276.401

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	41.910.061
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	37.484.039
1	Chi đầu tư phát triển (1)	8.589.157
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>1.454.657</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>7.000.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>25.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>109.500</i>
2	Chi thường xuyên (3)	28.109.761
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>12.553.522</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>57.838</i>
3	Chi trả lãi vay	34.400
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	3.230
5	Dự phòng ngân sách	747.491
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	4.426.022
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.256.480
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	629.313
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	2.540.229

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	36.019.025
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	30.363.564
1	Chi đầu tư phát triển (1)	6.160.601
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>1.329.501</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>4.560.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>28.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>243.100</i>
2	Chi thường xuyên (3)	23.585.164
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>10.737.168</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>44.746</i>
3	Chi trả lãi vay	12.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	2.890
5	Dự phòng ngân sách	602.409
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	5.655.461
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.426.850
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	1.504.324
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	2.724.287

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	17.680.744
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	14.920.532
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.536.391
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	611.991
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.700.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	18.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)	206.400
2	Chi thường xuyên (3)	12.074.018
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.959.130
b	Chi khoa học và công nghệ	38.110
3	Chi trả lãi vay	14.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.340
5	Dự phòng ngân sách	294.283
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.760.212
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.611.490
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	742.613
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	406.109

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	13.869.109
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	10.922.434
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.276.825
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	443.225
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	2.600.000
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	75.000
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	158.600
2	Chi thường xuyên (3)	7.393.932
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	3.695.456
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	25.909
3	Chi trả lãi vay	35.400
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	215.277
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.946.675
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.205.510
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	1.086.031
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	655.134

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	9.241.646
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	7.366.178
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.304.012
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>410.812</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>800.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>40.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>53.200</i>
2	Chi thường xuyên (3)	5.909.406
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>2.713.030</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>20.288</i>
3	Chi trả lãi vay	5.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	146.260
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.875.468
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	675.680
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	468.600
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	731.188

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	15.619.460
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	13.148.163
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.342.226
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>707.526</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>3.100.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>120.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>414.700</i>
2	Chi thường xuyên (3)	8.528.088
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>3.245.932</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>40.816</i>
3	Chi trả lãi vay	22.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.180
5	Dự phòng ngân sách	254.669
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.471.297
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.569.400
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	223.171
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	678.726

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	16.398.886
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	13.107.839
1	Chi đầu tư phát triển (1)	6.251.932
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)</i>	<i>4.111.932</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>1.900.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>240.000</i>
2	Chi thường xuyên (3)	6.513.205
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>2.245.597</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>47.748</i>
3	Chi trả lãi vay	38.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.820
5	Dự phòng ngân sách	302.882
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	3.291.047
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.040.000
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	2.251.047

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đã giảm chi tương ứng số bội thu NSĐP để tạo nguồn trả nợ gốc theo quy định của Luật NSNN.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	21.567.877
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	17.488.911
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.325.593
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>1.200.793</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>2.700.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>100.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>324.800</i>
2	Chi thường xuyên (3)	12.732.286
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>5.025.522</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>31.675</i>
3	Chi trả lãi vay	86.300
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.450
5	Dự phòng ngân sách	343.282
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	4.078.966
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.224.720
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	1.137.642
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	1.716.604

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	18.594.982
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	16.370.720
1	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	597.149
2	Chi đầu tư phát triển (1)	5.045.015
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>2.202.415</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>2.600.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>112.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>130.600</i>
3	Chi thường xuyên (3)	10.318.313
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>3.723.196</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>30.170</i>
4	Chi trả lãi vay	3.100
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.140
6	Dự phòng ngân sách	406.003
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.224.262
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	723.570
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	370.789
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	1.129.903

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	18.043.069
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	15.680.916
1	Chi đầu tư phát triển (1)	6.088.680
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	569.680
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.100.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	140.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)	279.000
2	Chi thường xuyên (3)	9.266.838
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.889.681
b	Chi khoa học và công nghệ	35.216
3	Chi trả lãi vay	16.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.360
5	Dự phòng ngân sách	308.038
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.362.153
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	936.610
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	768.502
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	657.041

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	11.091.015
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	9.680.424
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.091.669
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	432.469
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.420.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	117.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)	122.200
2	Chi thường xuyên (3)	6.393.691
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.647.586
b	Chi khoa học và công nghệ	21.096
3	Chi trả lãi vay	2.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	191.164
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.410.591
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	745.440
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	266.456
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	398.695

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	16.622.454
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	14.233.023
1	Chi đầu tư phát triển (1)	5.635.506
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>2.674.906</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>1.800.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>265.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>895.600</i>
2	Chi thường xuyên (3)	8.257.299
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>3.037.979</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>29.147</i>
3	Chi trả lãi vay	72.300
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.170
5	Dự phòng ngân sách	266.748
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.389.431
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.826.320
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	270.546
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	292.565

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Chi phân bổ cho từng công trình, dự án sau khi đã thực hiện được khoản vay từ nguồn vốn vay trong nước. Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	7.607.880
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	5.415.195
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.158.221
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>330.721</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>550.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>80.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>197.500</i>
2	Chi thường xuyên (3)	4.143.520
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>1.772.208</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>22.762</i>
3	Chi trả lãi vay	8.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	104.354
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.192.685
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.304.870
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	315.601
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	572.214

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	13.730.939
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	11.601.583
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.616.377
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>508.877</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>1.200.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>1.800.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>107.500</i>
2	Chi thường xuyên (3)	7.750.124
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>3.599.141</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>20.339</i>
3	Chi trả lãi vay	4.200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	229.882
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.129.356
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.205.460
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	515.310
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	408.586

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	20.947.905
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	17.653.488
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.782.129
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>913.129</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>1.700.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>135.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>34.000</i>
2	Chi thường xuyên (3)	14.516.029
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>7.243.482</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>27.672</i>
3	Chi trả lãi vay	1.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.440
5	Dự phòng ngân sách	352.390
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	3.294.417
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.202.380
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	589.249
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	1.502.788

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	8.574.225
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	6.475.800
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.009.843
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>460.443</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>500.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>32.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>17.400</i>
2	Chi thường xuyên (3)	5.332.289
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>2.353.853</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>13.392</i>
3	Chi trả lãi vay	3.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	129.168
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.098.425
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	968.480
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	222.076
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	907.869

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	15.838.721
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	13.312.678
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.308.413
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	903.813
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.250.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	150.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)	4.600
2	Chi thường xuyên (3)	10.736.003
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.628.737
b	Chi khoa học và công nghệ	27.263
3	Chi trả lãi vay	700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.400
5	Dự phòng ngân sách	266.162
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.526.043
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	909.760
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	325.492
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	1.290.791

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	9.355.624
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	7.014.291
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.095.720
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	547.220
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	400.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	80.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)	68.500
2	Chi thường xuyên (3)	5.776.555
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.653.298
b	Chi khoa học và công nghệ	17.641
3	Chi trả lãi vay	2.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	138.916
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.341.333
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	823.220
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	164.155
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	1.353.958

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	17.640.675
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	15.562.903
1	Chi đầu tư phát triển (1)	5.324.843
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	670.343
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.750.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.890.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)	14.500
2	Chi thường xuyên (3)	9.924.492
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.353.039
b	Chi khoa học và công nghệ	32.631
3	Chi trả lãi vay	1.300
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.300
5	Dự phòng ngân sách	310.968
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.077.772
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.498.720
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	91.493
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	487.559

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	126.853.946
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	122.849.235
1	Chi đầu tư phát triển (1)	75.577.216
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	28.218.816
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	33.960.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	4.400.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)	8.998.400
2	Chi thường xuyên (3)	43.657.102
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	15.053.188
b	Chi khoa học và công nghệ	634.474
3	Chi trả lãi vay	1.326.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	11.400
5	Dự phòng ngân sách	2.277.017
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	4.004.711
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	3.686.560
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	318.151

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Chi phân bổ cho từng công trình, dự án sau khi đã thực hiện được khoản vay từ nguồn vốn vay trong nước. Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	27.874.587
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	23.204.120
1	Chi đầu tư phát triển (1)	9.988.405
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>4.518.405</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>3.600.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>1.870.000</i>
2	Chi thường xuyên (2)	12.739.223
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>6.214.553</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>119.481</i>
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	2.910
4	Dự phòng ngân sách	473.582
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	4.670.467
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	2.359.000
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	2.311.467

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	26.603.684
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	23.314.528
1	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	101.294
2	Chi đầu tư phát triển (1)	12.094.519
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	4.550.519
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.750.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.880.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)	914.000
3	Chi thường xuyên (3)	10.496.744
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.862.237
b	Chi khoa học và công nghệ	85.134
4	Chi trả lãi vay	172.800
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.160
6	Dự phòng ngân sách	448.011
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	3.289.156
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	3.183.860
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	105.296

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	14.064.301
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	12.212.650
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.761.110
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>493.310</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>3.100.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>1.150.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>17.800</i>
2	Chi thường xuyên (3)	7.161.904
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>3.595.478</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>26.017</i>
3	Chi trả lãi vay	8.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	279.736
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.851.651
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	395.800
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	920.257
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	535.594

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	11.093.178
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	10.222.865
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.453.946
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	562.846
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.880.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)	11.100
2	Chi thường xuyên (3)	6.562.584
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.629.875
b	Chi khoa học và công nghệ	29.874
3	Chi trả lãi vay	1.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	204.235
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	870.313
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	595.760
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	79.265
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	195.288

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	23.167.557
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	21.395.499
1	Chi đầu tư phát triển	10.074.111
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	6.324.111
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.750.000
2	Chi thường xuyên (1)	10.891.678
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.222.886
b	Chi khoa học và công nghệ	120.929
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.800
4	Dự phòng ngân sách	427.910
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.772.058
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.260.000
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	512.058

Ghi chú:

(1) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	18.791.142
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	16.682.023
1	Chi đầu tư phát triển (1)	6.475.618
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	1.285.618
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.300.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.890.000
2	Chi thường xuyên (3)	9.839.047
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.697.416
b	Chi khoa học và công nghệ	33.696
3	Chi trả lãi vay	32.200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.260
5	Dự phòng ngân sách	333.898
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.109.119
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.691.960
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	79.304
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	337.855

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đã giảm chi tương ứng số bội thu NSĐP để tạo nguồn trả nợ gốc theo quy định của Luật NSNN. Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	14.456.318
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	11.441.501
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.483.181
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	653.181
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.830.000
2	Chi thường xuyên (3)	7.721.900
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.829.236
b	Chi khoa học và công nghệ	37.309
3	Chi trả lãi vay	200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	235.220
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	3.014.817
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.240.020
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	1.504.331
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	270.466

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đã giảm chi tương ứng số bội thu NSDP để tạo nguồn trả nợ gốc theo quy định của Luật NSNN.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	11.951.805
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	10.473.491
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.665.768
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	412.968
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	400.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.830.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)	22.800
2	Chi thường xuyên (3)	7.591.909
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.168.526
b	Chi khoa học và công nghệ	24.269
3	Chi trả lãi vay	5.800
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	209.014
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.478.314
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.016.800
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	64.714
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	396.800

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	11.953.965
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	10.210.244
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.905.695
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>654.995</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>450.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>1.750.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>50.700</i>
2	Chi thường xuyên (3)	7.096.858
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>3.058.025</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>26.700</i>
3	Chi trả lãi vay	3.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	203.191
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.743.721
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.298.140
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	70.481
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	375.100

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	10.353.654
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	9.445.496
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.126.197
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>555.197</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>700.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>1.831.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>40.000</i>
2	Chi thường xuyên (3)	6.110.689
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>2.691.926</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>30.242</i>
3	Chi trả lãi vay	19.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	188.110
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	908.158
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	573.600
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	103.454
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	231.104

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	17.293.010
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	14.922.714
1	Chi đầu tư phát triển (1)	7.564.935
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.379.135
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.170.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.800.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)	2.215.800
2	Chi thường xuyên (3)	7.015.461
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.421.380
b	Chi khoa học và công nghệ	35.961
3	Chi trả lãi vay	86.800
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.380
5	Dự phòng ngân sách	254.138
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.370.296
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	2.153.160
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	217.136

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Chi phân bổ cho từng công trình, dự án sau khi đã thực hiện được khoản vay từ nguồn vốn vay trong nước. Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	11.312.189
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	7.538.369
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.720.924
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>581.524</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>700.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>1.430.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>9.400</i>
2	Chi thường xuyên (3)	4.659.166
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>1.867.595</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>18.458</i>
3	Chi trả lãi vay	6.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	150.579
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	3.773.820
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	3.260.940
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	321.384
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	191.496

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	15.315.045
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	12.199.905
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.074.475
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)</i>	824.475
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	400.000
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	1.850.000
2	Chi thường xuyên (3)	8.865.022
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	3.863.925
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	20.960
3	Chi trả lãi vay	15.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	244.308
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	3.115.140
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	2.400.000
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	75.975
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	639.165

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đã giảm chi tương ứng số bội thu NSDP để tạo nguồn trả nợ gốc theo quy định của Luật NSNN.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	19.929.160
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	15.922.056
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.973.874
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>1.381.674</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>620.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>1.890.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>82.200</i>
2	Chi thường xuyên (3)	11.618.715
	Trong đó:	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>4.909.187</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>37.983</i>
3	Chi trả lãi vay	11.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.170
5	Dự phòng ngân sách	316.797
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	4.007.104
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	3.329.510
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	68.583
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	609.011

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	17.419.409
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	15.430.433
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.690.186
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	1.070.186
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.770.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.850.000
2	Chi thường xuyên (3)	10.426.978
	Trong đó:	
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.650.946
b	Chi khoa học và công nghệ	29.314
3	Chi trả lãi vay	3.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.400
5	Dự phòng ngân sách	308.869
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.988.976
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.681.570
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	72.469
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	234.937

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đã giảm chi tương ứng số bội thu NSDP để tạo nguồn trả nợ gốc theo quy định của Luật NSNN.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	17.312.467
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	15.714.259
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.421.389
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)</i>	<i>1.031.389</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>1.500.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>1.890.000</i>
2	Chi thường xuyên (3)	10.950.575
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>4.046.488</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>38.207</i>
3	Chi trả lãi vay	26.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.040
5	Dự phòng ngân sách	314.555
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.598.208
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.015.400
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	179.595
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	403.213

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đã giảm chi tương ứng số bội thu NSĐP để tạo nguồn trả nợ gốc theo quy định của Luật NSNN.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	8.657.358
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	7.368.787
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.577.118
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	454.918
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	250.000
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	1.810.000
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	62.200
2	Chi thường xuyên (3)	4.636.437
	<i>Trong đó:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	1.829.609
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	19.779
3	Chi trả lãi vay	8.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	146.132
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.288.571
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	988.500
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	133.656
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	166.415

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.



Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách địa phương (I+II)	12.420.092
I	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	11.054.029
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.211.460
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>674.560</i>
<i>b</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>700.000</i>
<i>c</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	<i>1.820.000</i>
<i>d</i>	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (2)</i>	<i>16.900</i>
2	Chi thường xuyên (3)	7.616.826
	Trong đó:	
<i>a</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>2.920.930</i>
<i>b</i>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>29.802</i>
3	Chi trả lãi vay	4.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	220.743
II	Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	1.366.063
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	785.350
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	248.720
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các CTMTQG	331.993

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc.
- (2) Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.
- (3) Trong đó dự toán chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi khoa học và công nghệ được giao là mức chi tối thiểu.